

THỨ NGÀY	BUỔI	16DNT1 (33SV)	16DNT2 (24SV)	16DNTCNC (29SV)	16DBVTV (22SV)	16DCN (08SV)
HAI 22/9	SÁNG				IPM trong BVTV - 4t P7 - C. Hằng	Kiểm nghiệm sản phẩm ĐV - 4t P8 - C. Hương
	CHIỀU	Kinh tế thủy sản - 4t P12 - T. Tuấn	Bệnh học thủy sản - 4t P17 - T. Toàn			
BA 23/9	SÁNG				Phòng trừ sinh học bệnh cây trồng - 4t P11 - C. Phương	
	CHIỀU	Bệnh học thủy sản - 4t PA5 - CS2 - T. Toàn	KT xử lý nước thải-4t P17 - T. Huy		VSV & chuyển hóa vật chất trong đất - 4t P11 - C. Hạnh	Quản lý sản xuất chăn nuôi-4t P9 - T. Siêu Ghép với 17DCNTY
TƯ 24/9	SÁNG		Kinh tế thủy sản - 4t P10 - T. Tuấn	Bệnh học thủy sản - 4t P7 - T. Toàn		
	CHIỀU			PP bố trí TN và XLSSL - 4t P8 - C. Huyền		
NĂM 25/9	SÁNG				Kiểm dịch thực vật và dịch hại nông sản sau thu hoạch - 4t P16 - C. Hằng	Quản lý sản xuất chăn nuôi-4t P9 - T. Siêu Ghép với 17DCNTY
	CHIỀU	KT xử lý nước thải - 4t P8 - T. Huy				Vệ sinh môi trường chăn nuôi - 4t PA4 - CS2 - T. Thư
SÁU 26/9	SÁNG	Chăn nuôi đại cương - 4t PA4 - CS2 - T. Thư	Bệnh học thủy sản - 4t P8 - T. Toàn	Kinh tế thủy sản - 4t P7 - T. Tuấn	Phòng trừ sinh học côn trùng - 4t P10 - C. Thẩm	
	CHIỀU			KT xử lý nước thải - 4t P11 - T. Huy		
BẢY 27/9	SÁNG					
	CHIỀU					
CN 28/9	SÁNG					
	CHIỀU					

Ghi chú: **Buổi sáng tiết 1 bắt đầu 7^h00; Buổi chiều tiết 1 bắt đầu 13^h20**

THỨ NGÀY	BUỔI	17DNTTS1 (26SV)	17DNTTS2 (33SV)	17DNTCNC (20SV)	17DBVTV (04SV)	17DBVMTTS (04SV)	17DCNTY (10SV)
HAI 22/9	SÁNG		DT và chọn giống TS-4t P9 - C. Xiếu			QLCL nước trong NTTS - 4t P10 - T. Huy	Dược lý thú y - 4t P11 - T. Sĩ
	CHIỀU	Di truyền và chọn giống TS - 4t P10 - C. Xiếu		Kỹ thuật SXG và nuôi giáp xác - 4t P9 - T. Nguyên		CNSH trong xử lý ô nhiễm môi trường-4t P7 - C. Hạnh	
BA 23/9	SÁNG	Quy hoạch và PT nghề cá - 4t P8 - T. Tuấn	Công trình và thiết bị trong NTTS - 4t P9 - C. B Vân	Kỹ thuật trồng rong biển - 4t P10 - C. Nhâm			
	CHIỀU	PP bố trí TN và XLSSL - 4t P10 - C. Huyền			Cỏ đại - 4t P7 - C. Như Phương	Phát triển bền vững - 4t P8 - T. Nam	QLSX chăn nuôi-4t P9 - T. Siêu Ghép với 16DCN
TƯ 24/9	SÁNG						Chăn nuôi thỏ - 4t P8 - C. Hương
	CHIỀU	Kỹ thuật SXG và nuôi giáp xác - 4t P7 - T. Lý		Công trình và thiết bị trong NTTS - 4t P11 - C. B Vân			Miễn dịch học - 4t P9 - T. Thư
NĂM 25/9	SÁNG	LS ĐCSVN - 4t P11 - C. Kiều	Kỹ thuật trồng rong biển - 4t P10 - C. Nhâm				QLSX chăn nuôi-4t P9 - T. Siêu Ghép với 16DCN
	CHIỀU		LS ĐCSVN - 4t P11 - C. Kiều		Khoa học đất - 4t P9 - C. Huyền Ghép với 18DBVTV		
SÁU 26/9	SÁNG			Lịch sử ĐCSVN - 4t P12 - C. Kiều			
	CHIỀU	Công trình và thiết bị trong NTTS - 4t P7 - C. B Vân	PP bố trí TN và XLSSL - 4t P8 - C. Huyền	Tiếng Anh chuyên ngành NTTS - 4t P10 - C. Phương		Phát triển bền vững - 4t P9 - T. Nam	Dược lý thú y - 4t P17 - T. Sĩ
BẢY 27/9	SÁNG						
	CHIỀU						

Ghi chú: **Buổi sáng tiết 1 bắt đầu 7^h00; Buổi chiều tiết 1 bắt đầu 13^h20**

THỨ NGÀY	BUỔI	18DNTTS (29SV)	18DNTCNC (27SV)	18DBVTV (10SV)	18DKHMT (04SV)	18DCNTY (13SV)
HAI 22/9	SÁNG	CNXH khoa học - 3t P12 - C. Trang	Tiếng Anh CB 3 - 4t PA4 - CS2 - C. Sang	Sinh lý thực vật - 4t PA5 - CS2 - C. Chúc		
	CHIỀU		Sinh thái thủy sinh - 4t P11 - C. Ngà		Cơ sở KHMT - 4t P8 - T. Nam	
BA 23/9	SÁNG		CNXH khoa học - 3t PA5 - CS2 - C. Trang			Chọn giống và nhân giống vật nuôi - 4t P7 - T. Sĩ
	CHIỀU					
TƯ 24/9	SÁNG	Sinh thái thủy sinh - 4t P9 - C. Ngà	Sinh lý động vật thủy sản - 4t P11 - C. M Phương	Tiếng Anh CB 3 - 4t PA4 - CS2 - T. Bảo		
	CHIỀU	Mô và phôi học động vật thủy sản - 4t P12 - C. Hồng Vân			Hoá môi trường ứng dụng - 3t PA4 - CS2 - T. Bé	Sinh học phân tử-4t P10 - C. Xiểu
NĂM 25/9	SÁNG	Tiếng Anh CB 3 - 4t P12 - C. An			Cơ sở KHMT - 4t P8 - T. Nam	Chọn giống và nhân giống vật nuôi - 4t P7 - T. Sĩ
	CHIỀU		Mô và phôi học động vật thủy sản - 4t PA5 - CS2 - C. Hồng Vân	Khoa học đất - 4t P9 - C. Huyền Ghép với 17DBVTV		
SÁU 26/9	SÁNG	Sinh lý động vật thủy sản - 4t P11 - C. Bé		CNXH khoa học - 4t P8 - CS1 - C. Lệ		
	CHIỀU				Hóa môi trường ứng dụng - 3t PA4 - CS2 - T. Bé	
BẢY 27/9	SÁNG					
	CHIỀU					
CN 28/9	SÁNG					
	CHIỀU					

Ghi chú: Buổi sáng tiết 1 bắt đầu 7^h00; Buổi chiều tiết 1 bắt đầu 13^h20

THỨ NGÀY	BUỔI	19DNTTS1 (30SV)	19DNTTS2 (30SV)	19DNTCNC (30SV)	19DKHMT (10SV)	19DBVTV (20SV)	19DCNTY (22SV)
HAI 22/9	SÁNG	Tin học CB - 4t P16 - T. Hiên	Điền kinh & Bơi lội - 4t CS2 - T. Khái Ghép với 19DKHMT	Tâm lý học ĐC - 4t P17 - T. Công	Điền kinh & Bơi lội - 4t CS2 - T. Khái Ghép với 19DNTTS2		
	CHIỀU	Triết học Mác Lê-nin - 4t P16 - T. Phương				Điền kinh & Bơi lội - 4t CS2 - T. Khái	
BA 23/9	SÁNG	Tiếng Anh CB 1 - 4t PA4 - CS2 - C. Oanh	Triết học Mác Lê-nin - 4t P16 - T. Phương Ghép với 19DKHMT	Pháp luật ĐC - 4t P17 - C. Thêm	Triết học Mác Lê-nin - 4t P16 - T. Phương Ghép với 19DNTTS2	Tâm lý học đại cương - 4t P12 - T. Công	
	CHIỀU	Điền kinh & Bơi lội - 4t CS2 - T. Khái	Tin học CB - 4t P16 - T. Côn Ghép với 19DKHMT		Tin học CB - 4t P16 - T. Côn Ghép với 19DNTTS2	Pháp luật đại cương - 4t P12 - C. Thêm	
TƯ 24/9	SÁNG	Tâm lý học đại cương - 4t P16 - T. Công	Tiếng Anh CB 1 - 4t PA5 - CS2 - T. Út Ghép với 19DKHMT	Sinh học đại cương - 4t P12 - C. Xiểu	Tiếng Anh CB 1 - 4t PA5 - CS2 - T. Út Ghép với 19DNTTS2	Điền kinh & Bơi lội - 4t CS2 - T. Khái	
	CHIỀU	Tin học CB - 4t P16 - T. Hiên	Tâm lý học ĐC - 4t PA5 - CS2 - T. Công Ghép với 19DKHMT	Điền kinh & Bơi lội - 4t CS2 - T. Khái	Tâm lý học ĐC - 4t PA5 - CS2 - T. Công Ghép với 19DNTTS2		
NĂM 25/9	SÁNG	Điền kinh & Bơi lội - 4t CS2 - T. Khái		Tiếng Anh CB 1 - 4t PA4 - CS2 - C. Ý		Sinh học đại cương - 4t PA5 - CS2 - C. Chúc	
	CHIỀU		Sinh học đại cương - 4t P10 - C. Ngà Ghép với 19DKHMT	Tin học CB - 4t P16 - T. Côn	Sinh học đại cương - 4t P10 - C. Ngà Ghép với 19DNTTS2	Tiếng Anh CB 1 - 4t P12 - CS1 - C. Hạnh	
SÁU 26/9	SÁNG	Pháp luật đại cương - 4t PA5 - CS2 - C. Thêm	Điền kinh & Bơi lội - 4t CS2 - T. Khái Ghép với 19DKHMT		Điền kinh & Bơi lội - 4t CS2 - T. Khái Ghép với 19DNTTS2		
	CHIỀU	Sinh học đại cương - 4t P16 - C. Ngà	Pháp luật ĐC - 4t PA5 - CS2 - C. Thêm Ghép với 19DKHMT	Điền kinh & Bơi lội - 4t CS2 - T. Khái	Pháp luật ĐC - 4t PA5 - CS2 - C. Thêm Ghép với 19DNTTS2		
BẢY 27/9	SÁNG					Tin học CB - 4t P16 - T. Côn	
	CHIỀU						
CN 28/9	SÁNG						
	CHIỀU						

Ghi chú: Buổi sáng tiết 1 bắt đầu 7^h00; Buổi chiều tiết 1 bắt đầu 13^h20

THÔNG TIN LIÊN HỆ GIẢNG VIÊN

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Mail
I. Khoa Nông nghiệp và Thủy sản			
1	Nguyễn Thị Kim Xuân	0909.094.195	ntkxuan@blu.edu.vn
2	Nguyễn Văn Tuấn	0915.886.877	nvtuan@blu.edu.vn
1. Bộ môn Nuôi trồng thủy sản			
3	Lê Hoàng Vũ	0907.005.004	lhvu@blu.edu.vn
4	Trần Thị Bích Như	0913.141.344	ttbnhu@blu.edu.vn
5	Dương Hải Toàn	0988.233.588	dhtoan@blu.edu.vn
6	Lâm Tâm Nguyên	0913.762.720	ltnguyen@blu.edu.vn
7	Trần Thị Linh Nhâm	0973.911.777	ttltnham@blu.edu.vn
8	Nguyễn Thị Hồng Vân	0989.596.697	nthvan@blu.edu.vn
9	Lê Mỹ Phương	0948.734.070	lmphuong@blu.edu.vn
10	Nguyễn Thị Bích Vân	0917.845.748	ntbván@blu.edu.vn
11	Tiêu Ngọc Xiểu	0919.557.710	tnxieú@blu.edu.vn
12	Lê Thị Ngọc Ngà	0943.083.525	ltnga@blu.edu.vn
13	Trần Thị Bé	0975.255.244	ttbe@blu.edu.vn
2. Bộ môn Khoa học cây trồng và Phát triển nông thôn			
14	Dương Thị Bích Huyền	0794.934.344	dtbhuyen@blu.edu.vn
15	Phạm Thị Thắm	0988.978.357	pttham@blu.edu.vn
16	Mai Như Phương	0982.402.876	mnphuong@blu.edu.vn
17	Trần Ngọc Hạnh	0904.760.956	tnhanh@blu.edu.vn
18	Lâm Quốc Huy	0916.568.680	lqhuy@blu.edu.vn
19	Phạm Giang Nam	0918.450.076	pghnam@blu.edu.vn
20	Nguyễn Thị Thúy Hằng	0817.300.048	ntthang@blu.edu.vn

3. Bộ môn Chăn nuôi Thú y			
21	Trần Hồng Định	0985.155.894	thdinh@blu.edu.vn
22	Nguyễn Tiến Sĩ	0907.900.435	ntsi@blu.edu.vn
23	Nguyễn Thanh Thu	0919.464.580	ntthu@blu.edu.vn
24	Mai Thị Ngọc Hương	0944.853.161	mtnhuong@blu.edu.vn
II. Mời giảng			
1. Ban Giám hiệu			
25	Tiền Hải Lý	0908 281 287	thly@blu.edu.vn
2. Các phòng ban			
26	Nguyễn Thị Kiều	0939.752.474	ntkieu@blu.edu.vn
27	Đặng Nguyệt Quế	0989.679.696	dnque@blu.edu.vn
28	Ngô Đức Khánh	0848.337.994	ndkhanh@blu.edu.vn
29	Lê Cẩm Lệ	0918.053.290	lecamle.bl@gmail.com
30	Tô Hoàng Hiệp	0913.631.977	
31	Huỳnh Điền Côn	0957.700.048	
3. Khoa Sư phạm			
32	Trần Văn Bé	0939.166.111	tvbe@blu.edu.vn
33	Phạm Tiến Công	0913.647.871	ptcong@blu.edu.vn
34	Ngũ Hữu Khái	0907.404383	nhkhai@blu.edu.vn
35	Nguyễn Thị Chúc	0944.711.754	ntchuc@blu.edu.vn
4. Khoa Khoa học xã hội			
36	Diệp Kiều Trang	0913.458.993	dktrang@blu.edu.vn
37	Trương Thị Kiều	0944.878.527	ttkieu@blu.edu.vn
38	Trần Tam Phương	0913.806.429	ttphuong@blu
39	Nguyễn Thị Sang	0919.747.633	ntsang@blu.edu.vn
40	Tạ Thị Kim Oanh	0916.337.654	ttkoanh@blu.edu.vn
41	Trương Thị Như Ý	0972.996.939	ttny@blu.edu.vn
42	Dương Thế Bảo	0776.514.675	dtbao@blu.edu.vn

45	Nguyễn Văn Út	0946.463.232	nvut@blu.edu.vn
46	Nguyễn Tuyết Hạnh	0986.164.098	
5. Khoa Kỹ thuật và Công nghệ			
47	Hoàng Ngọc Hiền	0943.008.175	hnhien@blu.edu.vn
6. Khoa Kinh tế và Luật			
48	Lê Thị Thêm	0947.746.002	ltthem@blu.edu.vn